

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5**

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 5;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/BB-SĐ5-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2022,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Sông Đà 5 thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và Kế hoạch SXKD năm 2022 như sau:
  - 1.1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021:
    - Tổng giá trị SXKD: 2.106,84 /KH 1.222,00 tỷ đồng, đạt 172% kế hoạch năm.
    - Tổng doanh thu: 2.201,56 /KH 1.020,00 tỷ đồng, đạt 216% kế hoạch năm.
    - Lợi nhuận trước thuế: 37,00/KH 31,32 tỷ đồng, đạt 85% kế hoạch năm.
    - Lợi nhuận sau thuế: 21,57/KH 29,60 tỷ đồng, đạt 73% kế hoạch năm.
    - Nộp Ngân sách: 17,62/KH 25,99 tỷ đồng, đạt 68% kế hoạch năm.
    - Tổng tài sản: 1.475,51/KH 1.605,97 tỷ đồng, đạt 92% kế hoạch năm.
    - Thu nhập bình quân: 13,76/KH 14,43 triệu đồng/người/tháng, đạt 95% kế hoạch năm.
    - Cổ tức: 7.5%/KH 11%, đạt 68% kế hoạch năm.
  - 1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 với những chỉ tiêu chính sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2022	Ghi chú
<b>A</b>	<b>GIÁ TRỊ SXKD</b>	<b>10<sup>9</sup>đ</b>	<b>1.265,00</b>	
<b>B</b>	<b>KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH</b>			
<b>I</b>	<b>Doanh số bán hàng (1+2)</b>	<b>10<sup>9</sup>đ</b>	<b>1.087,62</b>	
1	Doanh thu	10 <sup>9</sup> đ	1.033,00	
2	Thuế GTGT đầu ra	10 <sup>9</sup> đ	54,62	
<b>II</b>	<b>Lợi nhuận</b>			
1	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>9</sup> đ	37,00	

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2022	Ghi chú
2	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>9</sup> đ	29,60	
3	Cổ tức dự kiến	%	10%	
<b>III</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu cuối kỳ</b>	<b>10<sup>9</sup>đ</b>	<b>484,78</b>	
a	Vốn điều lệ	10 <sup>9</sup> đ	259,99	
-	Trong đó: Vốn nhà nước	10 <sup>9</sup> đ	166,80	
b	Quỹ đầu tư phát triển	10 <sup>9</sup> đ	143,06	
c	Thặng dư vốn cổ phần	10 <sup>9</sup> đ	43,13	
d	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	10 <sup>9</sup> đ	10,60	
e	Lợi nhuận chưa phân phối	10 <sup>9</sup> đ	29,03	
<b>IV</b>	<b>Tổng tài sản cuối kỳ</b>	<b>10<sup>9</sup>đ</b>	<b>1.533,74</b>	
<b>V</b>	<b>Nợ phải trả cuối kỳ</b>	<b>10<sup>9</sup>đ</b>	<b>1.144,07</b>	
1	Hệ số nợ phải trả/Vốn điều lệ	Lần	4,40	
2	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,36	

- Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị: Như nội dung báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2022.
- Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát: Như nội dung báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2022.
- Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022: Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán thuộc danh sách được Bộ tài chính chấp thuận.
- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã kiểm toán: Như nội dung báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2022.
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021 như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lợi nhuận và nghĩa vụ ngân sách năm 2021</b>		
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2021	31.321.210.591	
2	Thuế TNDN hiện hành	9.756.051.403	
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	21.565.159.188	
4	Lợi nhuận phục vụ phân phối	21.565.159.188	
<b>II</b>	<b>Phân phối lợi nhuận</b>	<b>21.565.159.188</b>	

TT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Quỹ đầu tư phát triển		
2	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.065.273.188	
-	Quỹ khen thưởng	619.581.956	30%
-	Quỹ phúc lợi	1.445.691.232	70%
3	Lợi nhuận chia cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 7,5% Vốn điều lệ)	19.499.886.000	
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	-	

7. Thông qua việc quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2021 và phương án chi trả tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2022.
- 7.1. Về quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký công ty năm 2021: Tổng mức chi trả năm 2021 là 1.020.000.000 đồng/KH 1.020.000.000 đồng đạt 100% kế hoạch. Mức chi trả thù lao Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty được thực hiện nghiêm túc theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- 7.2. Kế hoạch chi trả năm 2022:

DVT: VNĐ

STT	Nội dung	Mức thù lao/tháng/người	Mức lương/tháng/người
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách		54.000.000
2	Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm	12.000.000	
3	Thành viên HĐQT	7.000.000	
4	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách		30.000.000
5	Thành viên Ban kiểm soát	5.000.000	
6	Thư ký Công ty	5.000.000	


- Dự kiến mức chi thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022: Để khuyến khích sáng tạo và tăng hiệu quả trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thưởng cho Người quản lý doanh nghiệp (Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng) và Ban kiểm soát Công ty căn cứ việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:
  - + Nếu đạt kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2022: Tiền thưởng tối đa không quá 01 tháng tiền lương bình quân.
  - + Nếu vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2022: Tiền thưởng tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương bình quân.

**Điều 2.** Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 5 triển khai, thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và báo cáo kết quả thực hiện vào kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên kế tiếp.

**Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 5 và các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ Quyết nghị thực hiện./.

*Nơi nhận:* ✓

- UBCKNN, SGDCCKHN;
- Như Điều 3;
- Lưu HĐQT, HCNS.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**  
  
**Trần Anh Đức**

